



CÔNG TY TNHH SX-TM DÂY & CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỜNG THÀNH

- VPĐD : 79/35 Âu Cơ, Phường 14, Quận 11, TP.HCM.
 - VPKD : 192 Trần Đại Nghĩa, P.Tân Tạo A, Q.Bình Tân, TP.HCM
 ĐT : (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
 Website : www.tttcable.com - Email : taitruongthanh@tttcable.com

Ngày 01/04/2019

Số 02/2019/BG.TACA

<https://thietbidientuanviet.com>

Dây & Cáp 01 Lõi Đồng, Cách Điện PVC 0,6/1KV

STT	QUI CÁCH	ĐVT	LOẠI II	LOẠI I		
				KẾT CẤU	ĐƠN GIÁ	
Cáp Đơn Đồng						
1	CV 8.0 mm ²	đồng/mét	13.600			
2	CV 11 mm ²	“	18.000			
3	CV 14 mm ²	“	23.600	7s / 1,60	26.600	
4	CV 16 mm ²	“		7s / 1,70	29.800	
5	CV 22 mm ²	“	33.200	7s / 2,00	40.700	
6	CV 25 mm ²	“		7s / 2,10	44.900	
7	CV 35 mm ²	“		7s / 2,50	63.400	
8	CV 38 mm ²	“	66.000	19s / 1,60	72.000	
9	CV 50 mm ²	“	81.000	19s / 1,80	90.500	
Cáp Pha 02 Lõi Đồng, Cách Điện 0,6/1KV, Vỏ PVC:						
			CVV	ĐK		
11	CVV 2 x 6.0	đồng/mét	30.000	33.500		
12	CVV 2 x 8.0 M	“	34.000	38.000		
13	CVV 2 x 11 M	“	44.500	48.500		
14	CVV 2 x 14 M	“	57.500	62.500		
15	CVV 2 x 14	“	64.500	69.500		
16	CVV 2 x 16	“	71.500	77.000		
17	CVV 2 x 22 M	“	78.000	84.500		
18	CVV 2 x 22	“	95.000	103.000		
19	CVV 3 x 6.0 + 1 x 3.5	đồng/mét	53.500	57.500		
20	CVV 3 x 8.0 + 1 x 3.5 M	“	58.500	62.000		
21	CVV 3 x 11 + 1 x 6.0 M	“	77.000	82.500		
22	CVV 3 x 14 + 1 x 8.0 M	“	98.500	104.000		
23	CVV 3 x 16 + 1 x 8.0	“	116.000	122.000		
24	CVV 3 x 22 + 1 x 11 M	“	135.000	140.500		

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT),

Dây & Cáp Pha Lõi Đồng Mềm, Cách Điện PVC 0,6/1KV

STT	QUI CÁCH	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
Loại 02 Lõi Đồng Mềm				
47	Vvcm 2 x 1.0 mm ²	Đồng/mét	5.200	Vỏ màu xám
48	Vvcm 2 x 1.5 mm ²	"	6.200	"
49	Vvcm 2 x 2.5 mm ²	"	9.100	"
50	Vvcm 2 x 4.0 mm ²	"	12.500	"
51	Vvcm 2 x 6.0 mm ²	"	18.600	"
52	Vvcm 2 x 8.0 mm ²	"	26.000	Vỏ màu đen
53	Vvcm 2 x 10 mm ²	"	32.300	"
54	Vvcm 2 x 16 mm ²	"	44.000	"
55	Vvcm 2 x 25 mm ²	"	66.000	"
56	Vvcm 2 x 35 mm ²	"	89.000	"
57	Vvcm 2 x 50 mm ²	"	122.500	"
58	Vvcm 2 x 70 mm ²	"	193.000	"
Loại 03 Lõi Đồng Mềm				
59	Vvcm 3 x 1.0 mm ²	Đồng/mét	7.300	Vỏ màu xám
60	Vvcm 3 x 1.5 mm ²	"	8.700	"
61	Vvcm 3 x 2.5 mm ²	"	12.600	"
62	Vvcm 3 x 4.0 mm ²	"	17.500	"
63	Vvcm 3 x 6.0 mm ²	"	26.100	"
64	Vvcm 3 x 8.0 mm ²	"	36.000	Vỏ màu đen
65	Vvcm 3 x 10 mm ²	"	44.000	"
66	Vvcm 3 x 16 mm ²	"	62.000	"
67	Vvcm 3 x 25 mm ²	"	94.000	"
68	Vvcm 3 x 35 mm ²	"	126.500	"
69	Vvcm 3 x 50 mm ²	"	174.500	"
70	Vvcm 3 x 70 mm ²	"	277.500	"
Loại 04 Lõi Đồng Mềm				
71	VCm 4 x 1.0 mm ²	Đồng/mét	8.900	Vỏ màu xám
72	VCm 4 x 1.5 mm ²	"	10.300	"
73	VCm 4 x 2.5 mm ²	"	13.900	"
74	VCm 4 x 4.0 mm ²	"	19.100	"
75	VCm 4 x 6.0 mm ²	"	28.700	"
76	VCm 4 x 8.0 mm ²	"	39.000	Vỏ màu đen
77	VCm 4 x 10 mm ²	"	51.500	"
78	VCm 4 x 16 mm ²	"	68.000	"
79	VCm 4 x 25 mm ²	"	102.500	"
80	VCm 4 x 35 mm ²	"	141.500	"
81	VCm 4 x 50 mm ²	"	197.000	"
82	VCm 4 x 70 mm ²	"	310.000	"

Dây & Cáp Lõi Nhôm, Cách Điện 0,6/1KV

STT	QUI CÁCH	ĐVT	LOẠI II	LOẠI I	
Dây Đơn Nhôm					
107	VA 25/10	đồng/kg	122.000		
108	VA 27/10	“	136.000		
109	VA 30/10	“	150.500		
110	VA 40/10	“	208.500		
Cáp Nhôm Bọc		LOẠI III	LOẠI II	LOẠI II Xám	LOẠI I
111	AV 10		2.800		
112	AV 16		3.400	3.500	4.100
113	AV 25	4.000	4.900	5.000	5.700
114	AV 35	6.300	7.200	7.300	7.700
115	AV 50	8.700	10.000	10.200	11.200
116	AV 50 -19s		11.700	11.900	12.200
117	AV 70		14.100	14.200	14.800
118	AV 70 -19s		15.800	15.900	16.300
119	AV 95		19.000	19.100	19.900
120	AV 95 -19s		20.400	20.600	20.900
121	AV 120		23.500	24.000	25.500
122	AV 150		31.000	31.400	
123	AV 185		36.500	37.000	39.500
124	AV 240				52.500
125	AV 300				64.500
DUPLEX LỎI NHÔM 02 DÂY Cách điện PVC					
126	Duplex AV 10		6.200		
127	Duplex AV 16		7.600		9.000
128	Duplex AV 25	9.100	10.500		12.300
129	Duplex AV 35	13.600	15.300		16.400
130	Duplex AV 50	18.100	20.600		23.000
Cáp Nhôm Lõi Thép Bọc					
131	ASV 35/6	Đồng/mét	10.300		
132	ASV 50/8	“	13.100		
133	ASV 70/11	“	19.100		
134	ASV 95/16		27.800		

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT)

1/4/2019

Dây & Cáp Lõi Đồng, Cách Điện PVC 0,6/1KV

STT	QUI CÁCH	ĐVT	LOẠI III	LOẠI II	LOẠI I
Cáp Duplex (Cáp 2 lõi đồng)					
25	DV 6.0	"			23.500
26	DV 8.0	"		29.100	
27	DV 11	"	37.000		
28	DV 14	"		48.500	54.000
29	DV 16	"			60.500
30	DV 22	"		67.500	82.500
Cáp Hàn (Wilding Cable)					
31	Cáp hàn 25	Đồng/mét		22.000	
32	Cáp hàn 35	"		32.000	
33	Cáp hàn 50	"		43.500	
34	Cáp hàn 70	"		77.000	

Dây & Cáp Pha Lõi Đồng Mềm, Cách Điện PVC 0,6/1KV

STT	QUI CÁCH	ĐVT	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
Loại 01 Lõi Đồng Mềm				
35	Vcm 1.0 mm ²	Đồng/Kg	115.000	74,59 mét/kg
36	Vcm 1.5 mm ²	"	122.000	61,58 mét/kg
37	Vcm 2.5 mm ²	"	138.500	44,5 mét/kg
38	Vcm 4.0 mm ²	"	139.000	32,93 mét/kg
39	Vcm 6.0 mm ²	"	147.500	21,55 mét/kg
40	Vcm 8.0 mm ²	Đồng/mét	11.000	17,39 mét/kg
41	Vcm 10 mm ²	"	12.500	14,15 mét/kg
42	Vcm 16 mm ²	"	17.500	10,15 mét/kg
43	Vcm 25 mm ²	"	27.000	7,04 mét/kg
44	Vcm 35 mm ²	"	37.500	5 mét/kg
45	Vcm 50 mm ²	"	52.500	3,62 mét/kg
46	Vcm 70 mm ²	"	84.000	2,34 mét/kg

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT),

1/4/2019

Dây & Cáp Pha Lõi Đồng Mềm, Cách Điện PVC 0,6/1KV

Loại Cáp Điều Khiển 05 Lõi Đồng Mềm				
83	Vvcm 5 x 1.0 mm ²	"	13.500	Vỏ màu xám
84	Vvcm 5 x 1.5 mm ²	"	16.000	"
85	Vvcm 5 x 2.5 mm ²	"	22.500	"
86	Vvcm 5 x 4.0 mm ²	"	29.500	"
87	Vvcm 5 x 6.0 mm ²	"	45.000	"
Loại Cáp Điều Khiển 07 Lõi Đồng Mềm				
88	Vvcm 7 x 1.0 mm ²	"	17.500	Vỏ màu xám
89	Vvcm 7 x 1.5 mm ²	"	21.000	"
90	Vvcm 7 x 2.5 mm ²	"	30.500	"
91	Vvcm 7 x 4.0 mm ²	"	40.500	"
92	Vvcm 7 x 6.0 mm ²	"	62.500	"

Dây Cáp Trần

STT	QUI CÁCH	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ	GHI CHÚ
<u>Dây Cáp Đồng Trần</u>				
93	C 11	Đồng/Kg		
94	C 14 – C 16	"		
95	C 22 – C 25 – C 35	"		
96	C 38 – C 50	"		

SẢN PHẨM NHÔM - THÉP

Dây Cáp Nhôm Trần

97	A 16	Đồng/Kg		
98	A 25	"		
99	A 35 – -->A 95	"		

Cáp Thép (Nguyên liệu nhà máy thép Bình Tây)

100	S 3/8	VNĐ /Kg		
101	S 5/8	"		
102	S 7/8	"		

Dây Cáp Nhôm Lõi Thép Trần & Dây Cáp Nhôm Lõi Thép Bọc Mỡ (ACKP)

103	AS 35/6	đồng/kg	49.000	
104	AS 50/8	"	48.500	
105	AS 70/11	"	49.000	
106	AS 95/16	"	48.500	

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT),

**CÔNG TY TNHH SX-TM DÂY & CÁP ĐIỆN TÀI TRƯỞNG THÀNH**

- VPĐD : 79/35 Âu Cơ, Phường 14, Quận 11, TP.HCM.
- VPKD : 192 Trần Đại Nghĩa, P.Tân Tạo A, Q.Bình Tân, TP.HCM
- ĐT : (028) 3 7565525 – 3 7565526 ; Fax : (028) 37565528
- Website : www.tttcable.com - Email : taitruongthanh@tttcable.com

Số 02 :2019/BG.TACA**Ngày 01/04/2019****CÁP VOẪN XOẮN ABC Lõi Nhôm, Cách Điện 0,6/1KV**

stt	QUI CÁCH	Kết cấu	ĐVT	Đơn giá
Cáp Voãn Xoắn 02 pha ABC Lõi Nhôm, Cách Điện XLPE 0,6/1KV				
135	ABC 2 x 10	2c x 7s/1,30	Đồng/mét	7.500
136	ABC 2 x 16	2c x 7s/1,70	"	9.100
137	ABC 2 x 25	2c x 7s/2,14	"	12.800
138	ABC 2 x 35	2c x 7s/2,50	"	15.600
139	ABC 2 x 50	2c x 7s/3,00	"	21.400
140	ABC 2 x 70	2c x 19s/2,10	"	29.400
141	ABC 2 x 95	2c x 19s/2,50	"	39.700
Cáp Voãn Xoắn 03 pha ABC Lõi Nhôm, Cách Điện XLPE 0,6/1KV				
142	ABC 3 x 16	3c x 7s/1,70	Đồng/mét	13.500
143	ABC 3 x 25	3c x 7s/2,14	"	18.900
144	ABC 3 x 35	3c x 7s/2,50	"	23.200
145	ABC 3 x 50	3c x 7s/3,00	"	31.700
146	ABC 3 x 70	3c x 19s/2,10	"	44.400
147	ABC 3 x 95	3c x 19s/2,50	"	59.600
Cáp Voãn Xoắn 04 pha ABC Lõi Nhôm, Cách Điện XLPE 0,6/1KV				
148	ABC 4 x 16	4c x 7s/1,70	Đồng/mét	17.800
149	ABC 4 x 25	4c x 7s/2,14	"	25.300
150	ABC 4 x 35	4c x 7s/2,50	"	31.000
151	ABC 4 x 50	4c x 7s/3,00	"	42.600
152	ABC 4 x 70	4c x 19s/2,10	"	59.200
153	ABC 4 x 95	4c x 19s/2,50	"	79.500
Cáp Voãn Xoắn ABC 04 pha (3 lớn + 1 nhỏ), Cách Điện XLPE 0,6/1KV				
154	ABC 3 x 25 + 1 x 16	3c x 7s/2,14 + 1c x 7s/1,70	Đồng/mét	23.500
155	ABC 3 x 35 + 1 x 25	3c x 7s/2,50 + 1c x 7s/2,14	"	29.600
156	ABC 3 x 50 + 1 x 35	3c x 7s/3,00 + 1c x 7s/2,50	"	39.800
157	ABC 3 x 70 + 1 x 50	3c x 19s/2,10 + 1c x 7s/3,00	"	55.800
158	ABC 3 x 95 + 1 x 70	3c x 19s/2,50 + 1c x 19s/2,10	"	74.500

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT)

Tất cả Bảng giá phát hành trước đây không còn giá trị nữa .

1/4/2019

Trang 6 /6**TRẦN BẢO QUÂN**